

TÒA ÁN NHÂN DÂN

Huyện Tân Hiệp

Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 64/2019/HNGĐ- ST

Ngày 16/09/2019.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Chúc

2. Ông Văn Thành Nhiều

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 16 tháng 09 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2019/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 06 năm 2019 về vụ kiện: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 08 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nhan Thị Bảo T, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố K B, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

- Bị Đơn: Anh Võ Chí C, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố K B, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Nhan Thị Bảo T trình bày: tôi và anh Võ Chí C chung sống với nhau năm 2010, vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/2010 tại UBND xã T H B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống lúc đầu có hạnh phúc, nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C không chia sẻ phụ giúp việc buôn bán, con cái không lo, không phụ giúp gia đình, càng lúc tôi càng mệt mỏi và gần như trầm cảm. Đến năm 2016 ba mẹ tôi thấy vợ chồng tôi kinh tế khó khăn nên ba mẹ tôi mới kêu hai vợ chồng về chung sống vì muốn giúp chúng tôi có cuộc sống tốt hơn. Trong thời gian về nhà ba mẹ vợ ở anh C vẫn không chí thú làm ăn, công việc không ổn định rồi anh lâm vào con đường nghiện ngập, đến năm 2018 thì tôi

phát hiện anh C nghiện ma túy. Trong thời gian đó anh C có lấy của ba mẹ tôi hai cây rưỡi vàng 24kr, nhưng tôi nghĩ dù sao cũng là vợ chồng, tôi thương anh C nên ba mẹ tôi tạo cơ hội cho anh đi cai nghiện để làm lại cuộc đời, nên khi anh cai xong thì khoảng tháng 10 năm 2018, chúng tôi cùng lên Đồng Nai đi làm để anh C có thể từ bỏ ma túy, nhưng trong thời gian lên Đồng Nai anh C vẫn lén tôi đi hút chích ma túy khiến tôi thất vọng hoàn toàn, vì tôi thấy sự hi sinh và cố gắng của tôi vì chồng không được đền đáp. Từ đó vợ chồng bắt đầu quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Tôi xét thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung gồm:

1/ Võ Duy A, sinh ngày 30/9/2011

2/ Võ Trí A, sinh ngày 06/8/2013

Hiện nay 02 cháu đang chung sống với tôi,

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chỉ T yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với anh Võ Chí C.

Về quan hệ con chung: tôi xin nhận nuôi cháu Võ Duy A và cháu Võ Trí A, tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

* **Bị đơn anh Võ Chí C trình bày:** Theo bản tự khai và biên bản phiên hòa giải ngày 15/8/2019 anh C trình bày: qua lời trình bày của vợ tôi về ngày tháng, năm kết hôn, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn, có 02 con chung, không có tài sản chung và nợ chung, nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Hiện nay tôi vẫn còn rất thương yêu vợ con tôi.

Tại tòa án anh C yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi không đồng ý ly hôn với cô Nhan Thị Bảo T.

Về quan hệ con chung: Tôi xin được nhận nuôi dưỡng 02 con, tôi không yêu cầu cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Võ Chí C với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh C vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Võ Chí C, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ”. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét lời yêu cầu của chị T về quan hệ hôn nhân, chị xin được ly hôn với anh Võ Chí C là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh C hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân là anh C không chia sẻ phụ giúp việc buôn bán với chị T, con cái anh C không lo, không phụ giúp gia đình, chị T gần như bị trầm cảm. Đến năm 2016 thì vợ chồng chị T, anh C về chung sống bên cha mẹ vợ vì cha mẹ muốn giúp vợ chồng chị T, anh C có cuộc sống tốt hơn. Trong thời gian về nhà cha mẹ vợ ở anh C vẫn không chí thú làm ăn, công việc không ổn định rồi anh lâm vào con đường nghiện ngập, đến năm 2018 thì chị T phát hiện anh nghiện ma túy. Chị T nghĩ dù sao cũng là vợ chồng, chị T thương anh C nên cha mẹ vợ tạo cơ hội cho anh C đi cai nghiện để làm lại cuộc đời, nên khi anh C cai xong thì khoảng tháng 10 năm 2018, vợ chồng chị T, anh C cùng lên Đồng Nai đi làm để anh C có thể từ bỏ ma túy, nhưng trong thời gian lên Đồng Nai đi làm thì anh C vẫn lén chị T đi hút chích ma túy khiến chị T thất vọng hoàn toàn, vì chị T thấy sự hi sinh và cố gắng của chị T vì chồng nhưng không được đền đáp. Từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy lời yêu cầu của chị T xin được ly hôn với anh C được Tòa án chấp thuận.

[4] **Về quan hệ con chung:** Chị T xin được nhận nuôi cháu Võ Duy A, sinh ngày 30/09/2011 và cháu Võ Trí A, sinh ngày 06/08/2013, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy giao cháu Võ Duy A, sinh ngày 30/09/2011 và cháu Võ Trí A, sinh ngày 06/08/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Do cháu Võ Duy A hiện nay

07 tuổi và nguyện vọng của cháu Duy A là khi cha mẹ cháu ly hôn thì cháu sẽ sống với mẹ và cháu Võ Trí A hiện nay 06 tuổi, cháu Trí A còn quá nhỏ nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Mặt khác anh C hiện nay vẫn chưa cai nghiện xong ma túy. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Võ Duy A và cháu Võ Trí A cho chị T trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[5] Xét lời yêu cầu của bị đơn anh Võ Chí C về quan hệ hôn nhân: anh không đồng ý ly hôn với chị Nhan Thị Bảo T là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh C hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C không chia sẻ phụ giúp việc buôn bán với chị T, con cái không lo, không phụ giúp gia đình, càng lúc chị T càng mệt mỏi và gần như trầm cảm. Đến năm 2016 thì vợ chồng chị T, anh C về chung sống bên cha mẹ vợ thì anh C vẫn không chí thú làm ăn, công việc không ổn định rồi anh C lâm vào con đường nghiện ngập, đến năm 2018 thì chị T phát hiện anh C nghiện ma túy. Chị T nghĩ dù sao cũng là vợ chồng, chị T thương anh C nên cha mẹ vợ tạo cơ hội cho anh C đi cai nghiện để làm lại cuộc đời, nên khi anh C cai xong thì khoảng tháng 10 năm 2018, vợ chồng chị T, anh C cùng lên Đồng Nai đi làm để anh C có thể từ bỏ ma túy, nhưng trong thời gian lên Đồng Nai đi làm thì anh C vẫn lén chị T đi hút chích ma túy khiến chị T thất vọng hoàn toàn, vì chị T thấy sự hi sinh và cố gắng của chị T vì chồng nhưng không được đền đáp. Từ đó chị T và anh C bắt đầu quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và việc hòa giải giữa chị T và anh C tại Tòa án không thành.

Chính vì vậy bác lời khai nại của anh Võ Chí C.

[6] Xét lời yêu cầu của bị đơn anh Võ Chí C về quan hệ con chung: Anh C không đồng ý giao 02 con cho chị T nuôi dưỡng, anh C xin được nhận nuôi cháu Võ Duy A, sinh ngày 30/09/2011 và cháu Võ Trí A, sinh ngày 06/08/2013, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con. Xét thấy giao cháu Võ Duy A, sinh ngày 30/09/2011 và cháu Võ Trí A, sinh ngày 06/08/2013 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu là không có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Do cháu Võ Duy A hiện

nay 07 tuổi và nguyện vọng của cháu Duy A là khi cha mẹ cháu ly hôn thì cháu sẽ sống với mẹ và cháu Võ Trí A hiện nay 06 tuổi, cháu Trí A còn quá nhỏ nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Mặt khác anh C hiện nay vẫn chưa cai nghiện xong ma túy. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Võ Duy A và cháu Võ Trí A cho chị T trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

Chính vì vậy bác lời khai nại của anh Võ Chí C.

[7] **Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:** Do chị T và anh C không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] **Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:** chị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0003391 ngày 18/06/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nhan Thị Bảo T và anh Võ Chí C được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Võ Duy A, sinh ngày 30/09/2011 và cháu Võ Trí A, sinh ngày 06/08/2013 cho chị Nhan Thị Bảo T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

3. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nhan Thị Bảo T nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0003391 ngày 18/06/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Nhan Thị Bảo T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho anh Võ Chí C biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Nhật